

# CÁC GIÁ TRỊ TRUYỀN THỐNG CỦA VĂN HOÁ CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

NGUYỄN NGỌC HÀ (\*),  
PHẠM VĂN CHÚC (\*\*)

Văn hóa gồm có văn hóa kinh tế, văn hóa chính trị, văn hóa xã hội, văn hóa tư tưởng. Ở Việt Nam, nhà nước xuất hiện cách đây hàng ngàn năm và từ đó đã có văn hoá chính trị. Trong văn hóa chính trị Việt Nam hiện nay có các giá trị truyền thống và hiện đại. Những giá trị truyền thống của văn hóa chính trị Việt Nam là gì? Hiện đang có những ý kiến khác nhau trong việc xác định tên gọi và trật tự các giá trị. Theo chúng tôi, các giá trị văn hóa nói ở đây là các tư tưởng có giá trị đối với sự phát triển xã hội; những tư tưởng có giá trị tạo nên truyền thống văn hóa chính trị Việt Nam là các tư tưởng sau đây.

*Thứ nhất là tư tưởng yêu nước.* Yêu nước là yêu Tổ quốc; đó là một tư tưởng phổ biến của nền văn hóa chính trị trên thế giới; bởi vì Tổ quốc là nơi đã nuôi dưỡng cuộc sống và tâm hồn của mỗi người. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện tự nhiên và hoàn cảnh lịch sử cụ thể của mỗi nước mà tư tưởng yêu nước của con người có biểu hiện đậm nét khác nhau. Thông thường nước nào càng có lịch sử lâu dài và càng chịu nhiều đau khổ thì

tư tưởng yêu nước của người dân nước đó càng đậm nét. Tư tưởng yêu nước của người Việt Nam tương đối đậm nét vì dân tộc Việt Nam có lịch sử hàng ngàn năm và phải chịu đựng nhiều hy sinh để đấu tranh dựng nước và giữ nước. Về điều này, Hồ Chí Minh nhận xét: “Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Từ xưa đến nay, mỗi khi đất nước bị xâm lăng thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước” (1, tr.171). Trần Văn Giàu thì cho rằng: “Chủ nghĩa yêu nước là sợi chỉ đỏ xuyên qua toàn bộ lịch sử Việt Nam từ cổ đại đến hiện đại, ở đây bản chất Việt Nam biểu lộ rõ ràng đầy đủ, tập trung nhất hơn bất cứ chỗ nào khác” (2, tr.100-101). Biết bao người Việt Nam đã xả thân vì nước, đã “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”. Chính tư tưởng yêu nước là động lực chủ yếu thúc đẩy họ hành động như vậy.

---

(\*) PGS. TS., Viện Triết học.

(\*\*) PGS. TS., Hội đồng Lý luận Trung ương.

*Thứ hai là tư tưởng độc lập dân tộc.* Có dân tộc là có tư tưởng độc lập dân tộc. Dân tộc nào cũng muốn độc lập với nghĩa muốn có quyền tự quyết dân tộc. Việt Nam từ thời các vua Hùng đã có một nhà nước độc lập với nhà nước Trung Hoa hùng mạnh và từ đó đã có tư tưởng độc lập dân tộc. Tuy ở một số giai đoạn Việt Nam bị các thế lực ngoại bang thống trị nhưng tư tưởng độc lập dân tộc của người Việt Nam thì không mất đi. Tư tưởng đó thể hiện rõ nét trong “tuyên ngôn độc lập” của Lý Thường Kiệt (“Sông núi nước Nam vua Nam ở. Rành rành định phận ở sách trời”). Nguyễn Trãi cũng có một “tuyên ngôn độc lập” rõ ràng như sau: “Như nước Đại Việt ta từ trước. Vốn xưng nền văn hiến đã lâu. Từ Đinh, Lê, Lý, Trần gây nền độc lập. Cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên, hùng cứ một phương”<sup>(\*)</sup>. Đặc biệt, Hồ Chí Minh đã thể hiện tư tưởng độc lập dân tộc một cách rõ ràng và mạnh mẽ trong Tuyên ngôn độc lập: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do, độc lập và sự thật đã trở thành một nước tự do, độc lập”. Tư tưởng độc lập dân tộc là một tư tưởng nổi bật trong truyền thống văn hóa chính trị của Việt Nam.

*Thứ ba là tư tưởng tự cường dân tộc.* Tư tưởng tự cường dân tộc là ý chí quyết tâm bảo vệ và giành độc lập dân tộc. Tuy Việt Nam là nước nhỏ nhưng người Việt Nam không khuất phục bất kỳ một kẻ thù nào, có ý chí quyết tâm bảo vệ và giành độc lập dân tộc. Tư tưởng tự

cường dân tộc đã làm nên các cuộc khởi nghĩa của Trưng Trắc và Trưng Nhị, Triệu Thị Trinh, Lý Bí, Mai Thúc Loan, Phùng Hưng, Khúc Thừa Dụ, Dương Đình Nghệ, Ngô Quyền và nhiều cuộc khởi nghĩa khác. Tư tưởng đó đã giúp dân tộc Việt Nam đập tan các cuộc xâm lược của các triều Tống, Nguyên, Minh, Thanh và nhiều cuộc xâm lược của các nước khác. Ý chí quyết tâm bảo vệ và giành độc lập dân tộc đã giúp dân tộc Việt Nam giành lại quyền độc lập dân tộc sau hơn 80 năm bị thực dân Pháp đô hộ và sau đó đánh thắng hai đế quốc to là Pháp và Mỹ. Ý chí đó được thể hiện ở tuyên bố danh thếp của Lý Thường Kiệt trước quân xâm lược nhà Tống trên sông Như Nguyệt năm 1077 là “Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời”. Trần Quốc Tuấn đã thể hiện ý chí đó khi nói với vua Trần Nhân Tông trong bối cảnh năm mươi vạn quân Nguyên do Thoát Hoan cầm đầu tràn vào xâm lược nước ta lần thứ hai vào năm 1285 rằng “Nếu bệ hạ muốn hàng, xin hãy chém đầu thần trước đã”. Ý chí đó đã làm cho Trần Quốc Tuấn thốt lên rằng: “Ta thường tới bữa quên ăn, nửa đêm vỗ gối, ruột đau như cắt, nước mắt đầm đìa; chỉ giận chưa thể xả thịt, lột da, ăn gan, uống máu quân thù; dẫu cho trăm thân ta phơi ngoài nội cỏ, nghìn thân ta bọc trong da ngựa, ta cũng nguyện xin làm”. Ý chí quyết tâm bảo vệ và giành độc lập dân tộc thể hiện ở các tuyên bố của Nguyễn Trãi (“Cầm giặc nước thể không cùng sống”) và của Nguyễn Huệ (“Đánh cho để dài tóc. Đánh cho để đen răng. Đánh cho nó chích luân bất phản. Đánh cho nó phiến giáp bất hoàn. Đánh cho sử tri Nam quốc anh hùng chi hữu chủ”). Và còn vô số ví dụ về ý chí quyết tâm bảo vệ và giành độc lập dân tộc của người Việt

(\*) Đoạn trích trên trong *Bình Ngô đại cáo* của Nguyễn Trãi có hơi khác so với bản dịch của Ngô Tất Tố (Xem: [http://vi.wikisource.org/wiki/B%C3%ACnh\\_Ng%C3%B4\\_%C4%91%E1%BA%A1i\\_c%C3%A1o\\_%28Ng%C3%B4\\_T%E1%BA%A5t\\_T%E1%BB%91\\_d%E1%BB%8Bch%29](http://vi.wikisource.org/wiki/B%C3%ACnh_Ng%C3%B4_%C4%91%E1%BA%A1i_c%C3%A1o_%28Ng%C3%B4_T%E1%BA%A5t_T%E1%BB%91_d%E1%BB%8Bch%29)).

Nam. Tư tưởng tự cường dân tộc không chỉ là ý chí quyết tâm bảo vệ và giành độc lập dân tộc, mà còn là ý chí quyết tâm chống chọi với thiên nhiên để xây dựng đất nước. Việt Nam không phải là nước có điều kiện thiên nhiên ưu đãi vì hạn hán, bão, lụt xảy ra liên tiếp. Trong hoàn cảnh khó khăn đó, con người Việt Nam vẫn thích ứng với tự nhiên; đã chinh phục và cải tạo tự nhiên. Tuy các thể hệ người Việt Nam trong quá khứ không có nhiều công trình kiến trúc lớn như ở Trung Quốc và nhiều nước khác vì nguồn nhân lực và tài lực hạn chế, nhưng ý chí quyết tâm chống chọi với thiên nhiên của họ thì không hề nhỏ. Những con đê dài sừng sững dọc các sông ở miền Bắc, những con kênh đào dài hàng ngàn km ở miền Nam đã tạo nên những làng mạc trù phú. Đó là biểu hiện rõ nét của tư tưởng tự cường trong cuộc đấu tranh chống chọi với thiên nhiên của con người Việt Nam.

*Thứ tư là tư tưởng tự hào dân tộc.* Tuy Việt Nam là nước nhỏ nhưng người Việt Nam lại tự hào về dân tộc mình. Nhiều triều đại đã đặt tên nước có chữ Đại, nghĩa là tự nhận Việt Nam là nước lớn (Đại Cồ Việt, Đại Việt, Đại Ngu, Đại Nam). Trần Bình Trọng khi bị địch bắt và bị địch dụ dỗ mua chuộc đã tuyên bố rằng “Ta thà làm ma nước Nam còn hơn làm vương đất Bắc”. Thái độ đó của ông không chỉ thể hiện tư tưởng tự cường dân tộc mà còn thể hiện tư tưởng tự hào dân tộc. Việt Nam là nước nhỏ bên cạnh nước Trung Quốc rộng lớn. Người Trung Quốc rất tự hào về dân tộc mình. Lòng tự hào đó là tự nhiên. Nhưng nhiều người Trung Quốc lại coi Việt Nam là dân tộc man di với nghĩa thấp kém về văn hóa. Nguyễn Trãi khẳng định rằng

dân tộc Việt Nam cũng có một nền văn hiến lâu đời khi viết: “Như nước Đại Việt ta từ trước. Vốn xưng nền văn hiến đã lâu”, “Tuy mạnh yếu có lúc khác nhau. Song hào kiệt thời nào cũng có”. Tư tưởng tự hào dân tộc là một trong những động lực để người Việt Nam làm nên những chiến công oanh liệt trong cuộc đấu tranh dựng nước và giữ nước.

*Thứ năm là tư tưởng đoàn kết.* Tư tưởng đoàn kết của người Việt Nam xuất hiện do nguyên nhân khách quan ở chỗ, có đoàn kết thì mới có đủ sức mạnh để đấu tranh chống thiên tai và ngoại xâm. Tư tưởng đoàn kết được đúc kết ở những câu ca dao như: “Bầu ơi thương lấy bí cùng, tuy rằng khác giống nhưng chung một giàn”, “Nhiều điều phũ phàng giá gươm, người trong một nước phải thương nhau cùng”; “Gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau”. Theo truyền thuyết Họ Hồng Bàng thì mọi người Việt Nam đều là con cháu của Lạc Long Quân và Âu Cơ, cùng sinh ra từ một cái bọc. Ý nghĩa của truyền thuyết này là sự khuyên răn mọi người Việt Nam cần đùm bọc nhau như anh em trong một nhà. Người Việt Nam có phong tục cúng giỗ. Đến ngày mất của tổ tiên, con cháu tổ chức cúng gia tiên để tưởng nhớ đến người đã mất và để củng cố tình đoàn kết của những người đang sống. Phong tục này không chỉ áp dụng cho mỗi gia đình, mỗi dòng họ mà còn cho cả Tổ quốc, gọi là Quốc giỗ (“Dù ai đi ngược về xuôi. Nhớ ngày giỗ Tổ mùng mười tháng ba”). Phong tục tổ chức giỗ các vua Hùng có ý nghĩa củng cố tình đoàn kết của mọi người dân Việt Nam. Đoàn kết là một đặc điểm trong văn hóa chính trị của người Việt Nam. Nhờ có đoàn kết nên dân tộc Việt Nam mới có đủ sức

manh để đạt được nhiều kỳ tích trong đấu tranh dựng nước và giữ nước.

*Thứ sáu là tư tưởng nhân nghĩa.* Nhân nghĩa là một giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc trên thế giới. Đối với người Việt Nam, nhân nghĩa là phẩm chất đạo đức quan trọng hàng đầu của con người. Người Việt Nam sống hoà thuận, đoàn kết, thủy chung, có trách nhiệm đối với xã hội. Lối sống đó thể hiện ở những câu ngạn ngữ như “lá lành đùm lá rách”, “thương người như thể thương thân”, “uống nước nhớ nguồn”, “ăn quả nhớ kẻ trồng cây”. Câu ngạn ngữ của người Việt Nam “thương người như thể thương thân” thậm chí còn đậm tính nhân nghĩa hơn câu nói của Khổng Tử “điều gì mình không muốn thì đừng làm cho người” (kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân); bởi vì khi “thương người như thể thương thân” thì đương nhiên chúng ta sẽ không làm cho người khác cái điều mà chúng ta không muốn người khác làm cho mình. Nguyễn Trãi là một trong những người tiêu biểu cho tư tưởng nhân nghĩa. Với tư cách nhà hoạt động chính trị, Nguyễn Trãi chủ trương “lấy đại nghĩa thắng hung tàn”, “lấy chí nhân thay cường bạo”, “phàm mưu việc lớn phải lấy nhân nghĩa làm gốc, nên công to phải lấy nhân nghĩa làm đầu”; đối với kẻ thù khi đã đầu hàng thì “tội lớn tội nhỏ đều tha hết”, “mở lượng hiếu sinh”. Những ngôi đền được xây dựng ở nơi tôn nghiêm để thờ các vị thành hoàng, các bậc anh hùng dân tộc có công mở đất, dựng làng, đánh giặc giữ nước cũng là biểu hiện của tư tưởng nhân nghĩa của người Việt Nam. Nhân nghĩa là một tư tưởng quan trọng của Nho giáo. Thông qua Nho giáo và nhiều

hệ tư tưởng khác, tư tưởng nhân nghĩa đã ảnh hưởng sâu đậm đến lối sống của con người Việt Nam. Tuy nhiên, tư tưởng nhân nghĩa của con người Việt Nam còn được hình thành trong quá trình đấu tranh dựng nước và giữ nước lâu dài, vì thế nó không hoàn toàn đồng nhất với tư tưởng nhân nghĩa của các dân tộc khác.

*Thứ bảy là tư tưởng lấy dân làm gốc.* Dân khác với vua và quan. Trong mối quan hệ giữa dân với vua và quan thì Nho giáo cho rằng dân là quý (“dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh”). Tư tưởng đó của Nho giáo phản ánh đúng vai trò quyết định của dân đối với lịch sử vì “đẩy thuyền là dân, lật thuyền cũng là dân”. Trước khi tiếp thu Nho giáo thì người Việt Nam đã có tư tưởng lấy dân làm gốc. Truyện Thánh Gióng chứa đựng tư tưởng lấy dân làm gốc bởi vì ý nghĩa của truyện này là ở chỗ, dân có sức mạnh to lớn; nhà nước cần phải dựa vào sức mạnh của dân thì mới bảo vệ được đất nước. Tư tưởng lấy dân làm gốc được Trần Quốc Tuấn tiếp thu và phát triển khi cho rằng, sức mạnh để chiến thắng ngoại xâm là “vua tôi đồng lòng, anh em hòa mục, cả nước góp sức”; “khoan thư sức dân làm kế sâu rễ bền gốc - thượng sách để giữ nước”. Tư tưởng lấy dân làm gốc cũng thể hiện đậm nét ở Nguyễn Trãi. Bởi vì theo ông, dân mạnh như nước; nguyên nhân làm cho nhà Trần bị mất là do “mặc dân khốn khổ, dân oán mà không biết, chỉ ham vui chơi đấm đuối tửu sắc”; nguyên nhân làm cho nhà Hồ bị mất là do “lấy gian trí mà hiếp lòng dân”, “thuế má phiến, lao dịch nặng”, “chẳng nghĩ đến khổ dân”; “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân”; cần phải “khiến cho trong thôn

cùng xóm vắng không một tiếng oán sầu, đó là cái gốc của nhạc”; phải “lấy điều lo lắng của dân sinh làm điều lo thiết kỷ”; phải “thương yêu dân chúng, nghĩ làm những việc khoan dân”. Vua và quan là những người cai trị dân; nhiều người dễ có tư tưởng coi khinh dân; chỉ khi cần phải dựa vào dân để thực hiện mục đích nào đó của mình (chẳng hạn để chống giặc ngoại xâm) thì họ mới có tư tưởng lấy dân làm gốc; còn khi đạt được mục đích rồi thì họ lại quên dân. Các triều đại phong kiến ở Việt Nam do thường xuyên phải đối phó với giặc ngoại xâm và với thiên tai nên cần phải dựa vào dân và từ đó dễ hình thành tư tưởng lấy dân làm gốc.

*Thứ tám là tư tưởng trọng dụng hiền tài.* Hiền tài là tinh hoa của văn hóa dân tộc. Một dân tộc tự hào về nền văn hiến của mình thì dân tộc đó phải có tư tưởng trọng dụng hiền tài. Thân Nhân Trung, một danh thần nhà Lê, cho rằng, “Hiền tài là nguyên khí quốc gia, nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh mà vượn cao nguyên khí suy thì thế nước yếu mà xuống thấp”. Câu nói đó thể hiện rõ nét tư tưởng trọng dụng hiền tài của người Việt Nam. Tư tưởng này thể hiện ở chỗ, trong 4 hạng người của xã hội là sĩ, nông dân, công nhân, thương nhân thì “sĩ” được người Việt Nam coi trọng hơn cả, tiếp đó mới là nông dân, rồi công nhân và cuối cùng là thương nhân. Nhà nước phong kiến Việt Nam thường lệ cứ vài năm lại tổ chức các kỳ thi để chọn ra những người tài. Người tài giỏi được chọn bất kể là già hay trẻ, xuất thân từ tầng lớp giàu sang hay tầng lớp nghèo hèn. Hầu hết quan chức trong bộ máy nhà nước đều là người có học, trong số đó nhiều người

còn rất trẻ. Những người đỗ đạt cao được ghi vào bia đá để làm gương cho muôn đời, được triều đình ban thưởng, trọng dụng; khi vinh quy bái tổ được nhân dân đón rước trọng thể. Vì hy vọng hiền tài sẽ được trọng dụng nên các gia đình thường đón thầy về dạy con cái hoặc cố đầu tư cho con cái được đi học để thành hiền tài. Dù mài kính sử Nho giáo để ra làm quan là ước mơ cao nhất của nam thanh niên. Lấy được chồng Nho sinh là ước mơ lớn nhất của các cô gái con nhà lành. “Chẳng tham rộng cả ao liền. Tham vì cái bút, cái nghiên anh đồ”; đó là quan niệm của phụ nữ về người chồng lý tưởng của mình. Nhờ có tư tưởng trọng dụng hiền tài nên đất nước đã có nhiều danh nhân văn hóa; đã tạo nên những kỳ tích tưởng như không thể làm được.

Văn hóa chính trị của Việt Nam có lịch sử hàng ngàn năm. Trong quá trình xây dựng và bảo vệ đất nước lâu dài, người Việt Nam đã tiếp thu tinh hoa văn hóa chính trị của nhân loại và đã tạo nên nhiều tư tưởng giá trị. Văn hóa chính trị truyền thống của Việt Nam ngoài các tư tưởng nói trên, còn nhiều tư tưởng giá trị khác. Những giá trị ấy là tài sản tinh thần vô giá đang góp phần tạo nên sức mạnh cho Việt Nam trong quá trình đổi mới và hội nhập quốc tế.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hồ Chí Minh. Toàn tập (tập 6). H.: Chính trị quốc gia, 2002.
2. Trần Văn Giàu. Giá trị tinh thần truyền thống của dân tộc Việt Nam. H.: Khoa học xã hội, 1980.